

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 280/2021/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021, thông báo dời lịch số 329/TB-TA ngày 29/7/2021, thông báo mở lại phiên tòa số 492/TB-TA ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 104/1/16, tổ 25, khu phố 5, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Lưu Tấn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 104/1/16, tổ 25, khu phố 5, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Hồng D trình bày :**

Bà và ông Lưu Tấn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Đông, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang ngày 27/5/2015. Quá trình chung sống

phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Bà và ông T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 01 con chung là cháu Lưu Phan Thanh V, sinh ngày 02/12/2015. Ly hôn, bà xin giành quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về sản sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà xin Tòa án xét xử vắng mặt bà vì bận công việc.

*** *Tại bản tự khai ngày 12/3/2021, ngày 26/3/2021, bị đơn ông Lưu Tấn T trình bày:***

Ông và bà D tự nguyện đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc. Nhưng khi ông nhậu say không kiềm chế được lời nói, có la hét làm ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh. Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng được hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Diệu có 01 con chung là cháu Lưu Phan Thanh V, sinh ngày 02/12/2015. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về sản sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Hồng D.

Về con chung: Giao cháu Lưu Phan Thanh V, sinh ngày 02/12/2015 cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Hồng D xin ly hôn với ông Lưu Tấn T. Theo biên bản xác minh ngày 19 tháng 5 năm 2021, thể hiện bị đơn ông T có đăng ký tạm trú, hiện đang cư trú tại địa chỉ: 104/1/16, tổ 25, khu phố 5, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo số 90/TB-TA ngày 24/5/2021 và giấy triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lúc 08 giờ ngày 17/6/2021. Tuy nhiên, ngày 17/6/2021 ông T vắng mặt không có lý do, bà D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Căn cứ vào Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông T tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Bà D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tân Đông, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2015 ngày 27/5/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo trình bày của bà D thì sau khi kết hôn, bà D ông T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng khoảng thời gian gần đây, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Bà D và ông T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D xin được ly hôn với ông T. Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D, ông T. Tại biên bản xác minh ngày 31 tháng 3 năm 2021, địa phương không cung cấp được thông tin mâu thuẫn vợ chồng do bà D, ông T không trình báo với địa phương.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 12 tháng 3 năm 2021 của ông T, thể hiện nguyên nhân bà D yêu cầu ly hôn với ông T là có một phần lỗi của ông T. Nhưng ông T không đồng ý ly hôn, muốn được hoà giải hàn gắn đoàn tụ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, hoà giải và phiên tòa, chứng tỏ ông T chưa tích cực trong việc hàn gắn hoà giải đoàn tụ với bà D và không đưa ra được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn hoà giải đoàn tụ trong khi bà D vẫn cương quyết ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà D, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hoà giải hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay bà D xin ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà D và ông T có 01 con chung: cháu Lưu Phan Thanh V, sinh ngày 02/12/2015. Khi ly hôn, bà D và ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V. Tuy nhiên, khi quyết định giao cháu V cho bà D hay ông T nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con của các bên. Xét thấy, bà D hiện tại đang làm việc tại Công ty Saitex International với mức lương trung bình 12.839.000đ (Mười hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng). Ngày 07/4/2021, Tòa án có thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số 153/TB-TA và đã tổng đạt hợp lệ thông báo này cho ông T, nhưng ông T vẫn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo nội dung thông báo số 153/TB-TA nêu trên. Do đó, để đảm bảo cuộc sống về mọi mặt của cháu V, nên chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu V cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình làm việc, ông T trình bày không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình làm việc, ông T trình bày không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Hồng D, cho bà Phan Thị Hồng D được ly hôn với ông Lưu Tấn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Phan Thanh V, sinh ngày 02/12/2015 cho bà Phan Thị Hồng D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời ông Lưu Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung : Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Hồng D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0009953 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

6. Bà Phan Thị Hồng D, ông Lưu Tấn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu;

Nguyễn Trần Trúc Thủy

